

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Giáo Trình Trung Bộ Kinh – Majjhima Nikāya

Bài học ngày 5.4.2021

138. Kinh Tổng Thuyết & Biệt Thuyết (Uddesavibhaṅga Sutta)

Phá Chấp Theo Cách Nói Hẹp và Nói Rộng

Chữ uddesavibhaṅga nghĩa là giảng rộng những điều được nói tóm tắt. Đức Thế Tôn nói một cách cô đọng về một tỳ kheo vượt thoát sanh, già, bệnh, chết do tâm không bị chi phối và chấp thủ nội giới cũng như ngoại giới. Tôn giả Mahākaccāna, một vị đại đệ tử Phật được xem là thù thắng về khả năng quảng diễn những điều được nói cô đọng, đã trình bày rộng rãi ý nghĩa của những gì Bạc Đạo Sư muốn nói.

637. Lời dạy ngắn gọn của Đức Thế Tôn

Đức Phật trong cách nói hàm súc đã dạy rằng những ai không bị giao động, chi phối bởi ngoại trần, nội trần và vượt khỏi chấp thủ sẽ hoàn toàn giải thoát:



Kinh Văn

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sāvattthī (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỳ-kheo: "Này các Tỳ-kheo". --"Bạch Thế Tôn". Các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Này các Tỳ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Tổng thuyết và Biệt thuyết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

-- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỳ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

-- Nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Nay các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết, trong tương lai. Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, Thiện Thế từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bước vào tịnh xá.

638. Đức khiêm cung và lòng tôn kính của một bậc thánh đệ tử

Chư tỷ kheo thỉnh cầu tôn giả Mahākaccāna giảng rõ những gì Đức Phật đã dạy nhưng ban đầu vị này từ chối về đề nghị mọi người nên bạch hỏi Bậc Đạo Sư:



Kinh Văn

Sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Chư Hiền, sau khi đọc lên bài tổng thuyết một cách vắn tắt, không có giải nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tịnh xá: "Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Nay các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai". Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi phần tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) này đã được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahākaccāna có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này". Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākaccāna những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

-- Thưa Hiền giả Kaccāna, sau khi đọc tổng thuyết này, không giải nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tịnh xá: "Nay các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo

cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Nay không biết có ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi". Rồi này Hiền giả Kaccāna, chúng tôi suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahākaccāna này đã được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahākaccāna có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này, Tôn giả Mahākaccāna hãy giải thích cho".

-- Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây, tìm câu lõi cây, đang đi tìm câu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây. Người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây... Cũng vậy là việc làm của chư Tôn giả. Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế Tôn, chư Tôn giả lại vượt qua Thế Tôn, và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc có mắt, bậc Trí giả, bậc Pháp giả, bậc Phạm thiên, bậc Thuyết giả, bậc Tuyên thuyết giả, bậc dẫn đến mục đích, bậc đem cho bất tử, bậc Pháp chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

-- Thừa Hiền giả Kaccāna, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần biết... Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahākaccāna được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh kính trọng. Tôn giả Mahākaccāna có thể giải thích rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Mong Tôn giả Mahākaccāna giải thích cho, nếu Tôn giả không cảm thấy phiền phức.

-- Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ nói.

-- Thừa vâng, Hiền giả.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahākaccāna. Tôn giả Mahākaccāna nói như sau:

639. Ý nghĩa rộng rãi của những gì Phật dạy



Kinh Văn

-- Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này chư Hiền, lời tổng thuyết này được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi", tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

Không bị chi phối và không bị chi phối bởi ngoại trần

Tâm bị chi phối bởi ngoại giới là tâm giao động đối với sáu cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; ngược lại khi tâm không bị chi phối bởi sáu cảnh là tâm không giao động:

Kinh văn: Chư Hiền, sao gọi là thức đối với (ngoại) trần, bị tán loạn, bị tản rộng? Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức truy cầu sắc tướng, bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, bị cột chặt bởi vị của sắc tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng, như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) bị tán loạn, tản rộng. Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai... ngửi hương với mũi... nếm vị với lưỡi... cảm xúc với thân... nhận thức pháp với ý, thức truy cầu pháp tướng, bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) bị tán loạn, tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức bị tán loạn, tản rộng.

Chư Hiền, sao gọi là thức đối với (ngoại) trần, không bị tán loạn, không bị tản rộng? Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức không truy cầu sắc tướng, không bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, không bị cột chặt bởi vị của sắc tướng; không bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) không bị tán loạn, không bị tản rộng. Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai... ngửi hương với mũi... nếm vị với lưỡi... cảm xúc với thân... nhận thức pháp với ý, thức không truy cầu pháp tướng, không bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, không bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, không bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) không bị tán loạn, không bị tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức không bị tán loạn, không bị tản rộng.

Không bị chi phối và không bị chi phối bởi nội trần

Nội trần ở đây chỉ cho hỷ lạc trong thiền chứng đó là những trạng thái tạo nên chấp thủ:

Kinh văn: Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm trú trước nội (trần)? Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Thức vị ấy truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo đình chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Thức của vị ấy truy tìm hỷ lạc do định sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh; bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy truy tìm xả, bị trói buộc bởi vị xả và lạc, bị cột chặt bởi vị xả và lạc, bị triền phược bởi vị xả và lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Thức của vị ấy truy tìm không khổ không lạc, bị trói buộc bởi vị không khổ không lạc, bị cột chặt bởi vị không khổ không lạc, bị triền phược bởi kiết sử vị không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần). Như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm không bị trú trước nội (trần)? Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, không tầm không tứ. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh, như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo đình chỉ tầm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do định sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do

định sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy không truy tìm xả, không bị trói buộc bởi vị xả và lạc, không bị cột chặt bởi vị xả và lạc, không bị triền phược bởi vị xả và lạc, như vậy được gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Thức của vị ấy không truy tìm không khổ không lạc, không bị trói buộc bởi vị của không khổ không lạc, không bị cột chặt bởi vị của không khổ không lạc, không bị triền phược bởi kiết sử vị không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần). Như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Chấp thủ và không chấp thủ

Đối với tất cả hiện tượng dù nội giới hay ngoại giới nếu bám víu bằng ngã chấp gọi là chấp thủ. Quán chiếu tất cả như hiện tượng tự nhiên sanh diệt là không chấp thủ:

Kinh văn: Và thế nào, này chư Hiền, là bị chấp thủ quấy rối? Ở đây, này chư Hiền, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc. Sắc pháp ấy của nó có biến hoại, đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp ấy của nó, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy. Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên pháp quấy rối khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bực phiền và đầy những khao khát. Và vị ấy bị chấp thủ quấy rối.

Vị ấy xem cảm thọ.. tưởng... các hành... thức như là tự ngã hay tự ngã, như là có thức, hay thức như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong thức. Thức ấy của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong thức ấy của vị ấy, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong pháp, nên các pháp quấy rối khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bực phiền và đầy những khao khát. Và vị ấy bị chấp thủ, quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là bị chấp thủ, quấy rối.

Và thế nào, này chư Hiền, là không bị chấp thủ quấy rối? Ở đây, này chư Hiền, có Đa văn Thánh đệ tử yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay không thấy sắc như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong sắc. Sắc pháp của vị ấy biến hoại, đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp của vị ấy, thức của vị ấy không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy. Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên các pháp quấy rối khởi lên, không xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bực phiền và không đầy những khao khát. Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối.

Vị ấy không xem cảm thọ.. tướng... các hành.. thức như là tự ngã hay tự ngã là có thức, hay không thấy thức như là trong tự ngã hay tự ngã như là trong thức. Thức của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong thức của vị ấy, thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức, nên các pháp quấy rối không khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bực phiền và không đầy những khao khát. Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là không bị chấp thủ quấy rối.

Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá: "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết, trong tương lai". Phần tổng thuyết này, này chư Hiền, được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi; này chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Và nếu như Tôn giả muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích các Tôn giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

640. Lời xác nhận của Đức Điều Ngự

Chư tỳ kheo trình lại Đức Phật những gì đã được Tôn giả Mahākaccāna giảng. Nghe xong Đức Thế Tôn tán thán:



Kinh Văn

Rồi các Tỳ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahākaccāna giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

-- Bạch Thế Tôn, sau khi đọc phân tông thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải thích nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi vào tịnh xá: "Này các Tỳ-kheo, vị Tỳ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỳ-kheo, nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết, trong tương lai".

Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn sau khi đọc phân tông thuyết một cách vắn tắt cho chúng ta, không giải nghĩa một cách rộng rãi, và đã đi vào tịnh xá: "Vị Tỳ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỳ-kheo, nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết, trong tương lai." Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tông thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau: "Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên-diên) này đã được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahākaccāna có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tông thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này."

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Mahākaccāna, sau khi đến chúng con hỏi Tôn giả Mahākaccāna về ý nghĩa này. Ý nghĩa của những (chữ) ấy đã được Tôn giả Mahākaccāna giải thích cho chúng con với những phương pháp (ākāra) này, với những câu này, với những chữ này.

-- Này các Tỷ-kheo, Mahākaccāna là bậc Hiền giả. Này các Tỷ-kheo, Mahākaccāna là bậc đại trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng giải thích cho các Ông như vậy, như Mahākaccāna đã giải thích. Thật sự ý nghĩa ấy là vậy, và các Ông hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Phân đoạn & chú thích: Tỳ Kheo Giác Đăng*

-ooOoo-

Kinh số 138 [tóm tắt]
Kinh Tổng Thuyết Biệt Thuyết
(Uddesavibhaṅga Sutta)
(M.iii, 223)

Đức Phật khuyên các Tỷ-kheo cần quán sát thể nào để thức của mình không bị tán loạn, tản rộng đối với ngoại trần, tâm không đắm trước nội trần, không chấp thủ, không bị khủng bố, được vậy thì không có tập khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai. Đây là phần tổng thuyết do Thế Tôn nói lên, xong rồi đi vào tịnh thất. Các vị Tỷ-kheo đi đến Tôn giả Mahākaccāna (Đại Ca-chiên- diên) và được Ngài giảng phần biệt thuyết như sau:

1/ Thức đối với ngoại trần không bị tán loạn, tản rộng, ấy là khi con mắt tiếp xúc với sắc tướng, tai với thanh... ý với pháp..., thức vị ấy không truy cầu các đối tượng ấy, không bị trói buộc cột chặt trong đó, không bị các kiết sử của sắc tướng....

2/ Tâm không trú trước nội trần: Không bị trói buộc bởi hỷ lạc ở Sơ thiền, Nhị thiền (sau khi chứng được Sơ thiền, Nhị thiền), khi chứng trú Tam thiền, không trú trước, không truy tầm, không bị trói buộc bởi trạng thái xả và lạc ở Tam thiền, khi chứng trú Tứ thiền, vị ấy không bị trói buộc bởi trạng thái không khổ không lạc ở Tứ thiền.

3/ Không chấp thủ, không bị khủng bố: Vị ấy không chấp thủ sắc, thọ, tưởng, hành, thức là “ta” hay “của ta”, hay “tự ngã của ta”, nên thức không bị lay chuyển do sự biến hoại của sắc pháp... nơi vị ấy. Do thức vị ấy không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại của sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên các khủng bố phát khởi lên không kiên trì ám ảnh tâm; do tâm không bị ám ảnh, vị ấy không sợ hãi, bực phiền, khao khát. Như vậy là không chấp thủ, không bị khủng bố.

Thế Tôn ân khả lời giải thích ấy đúng ý Ngài và khen Tôn giả Mahākaccāna là bậc đại tuệ.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu

-ooOoo-

Kinh số 138 [dàn ý]
Kinh Tổng Thuyết Biệt Thuyết
(Uddesavibhaṅga Sutta)
(M.iii, 223)

A. Duyên khởi:

Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và nói sẽ giảng về tổng thuyết và biệt thuyết.

B. Chánh kinh:

I. Thế Tôn giảng về tổng thuyết, không giải thích rộng rãi rồi đi vào tinh xá.

II. Các Tỷ-kheo thỉnh Tôn giả Kaccna giải thích rộng rãi lời tổng thuyết của Thế Tôn. Ban đầu Tôn giả khiêm tốn từ chối, sau Tôn giả chấp thuận trước lời yêu cầu của các Tỷ-kheo.

III. Tôn giả Kaccna giải thích tổng thuyết:

1. Sao gọi là thức đối với ngoại trần bị tán loạn, bị tản rộng và không bị tán loạn, không bị tản rộng.

2. Sao gọi là tâm trú trước nội trần và tâm không trú trước nội trần.

3. Thế nào là chấp thủ, bị khủng bố. Thế nào là không chấp thủ, không bị khủng bố.

IV. Các Tỷ-kheo thuật lại với Thế Tôn lời thuyết giảng của Tôn giả Kaccāna. Thế Tôn tán thán Tôn giả là bậc đại trí tuệ, giải thích đúng như Thế Tôn giải thích và khuyên các Tỷ-kheo nên thọ trì như vậy.

C. Kết luận:

Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Biên soạn: Hoà Thượng Thích Minh Châu
-ooOoo-

Kinh số 138 [toát yếu]
Kinh Tổng Thuyết Biệt Thuyết
(Uddesavibhaṅga Sutta)
(M.iii, 223)

I. TOÁT YẾU

The Exposition of a Summary.

The venerable Maha Kaccana elaborates upon a brief saying of the Buddha on the training of consciousness and the overcoming of agitation.

Giảng rộng một lời dạy vắn tắt.

Tôn giả Đại Ca-chiên-diên triển khai một lời dạy vắn tắt của Phật về sự tu luyện tâm thức để thắng lướt trạo cử giao động.

II. TÓM TẮT

Phật dạy chúng tỳ kheo một lời vắn tắt: Tỳ kheo cần nhìn như thế nào để đối với ngoại trần tâm không bị tán rộng, đối với nội trần tâm không trú trước, không chấp thủ, không bị khủng bố. Như vậy tương lai sẽ không còn khổ về sanh, già, chết.

Sau khi Ngài bỏ đi vào tịnh xá, chúng tỳ kheo đến thỉnh cầu tôn giả Ca-chiên-diên giải thích ý nghĩa. Và Ngài đã giảng như sau: Khi căn trần thức tiếp xúc, do thức truy cầu tướng bên ngoài nên bị các tướng trói buộc, đây gọi là bị tán loạn, tán rộng. Nếu căn trần tiếp xúc mà thức không theo đuổi tướng ngoài, thì không bị tán loạn. Đối với nội trần, nghĩa là các thiền chứng từ sơ đến tứ thiền, thức cũng có thể bị trói buộc bởi lý dục ly bất thiện pháp, sanh hỷ lạc ở thiền thứ nhất, định sanh hỷ lạc ở thiền thứ hai, bởi xả niệm lạc trú ở thiền thứ ba và bởi bất khổ bất lạc (xả niệm thanh tịnh) ở thiền thứ tư. Nếu không bị các thiền chứng này trói buộc thì gọi là không trú trước nội trần. Chấp thủ, bị khủng bố là khi kẻ vô văn phạm phu do không hiểu thánh pháp, chấp sắc là tự ngã, tự ngã ở trong sắc, sắc ở trong tự ngã, tự ngã có sắc (với 4 uẩn kia cũng chấp như vậy thành ra có 20 thân kiến). Do chấp như vậy nên khi sắc thọ tướng hành thức biến hoại, phạm phu lấy làm đau khổ, bị khủng bố. Thánh đệ tử có tu tập thì không chấp thủ như vậy, nên khi sắc biến hoại, thức không bị chuyển theo, các pháp khủng bố khởi lên không kiên trì ám ảnh tâm. Vì tâm không bị ám ảnh nên cũng không sợ hãi hay khao khát. Như vậy là không chấp thủ, không bị

khủng bố. Sau khi chúng tử kheo đến Phật trình bày cách giải thích của tôn giả, Phật khen tôn giả Ca-chiên-diên là bậc đại tuệ đã hiểu đúng lời Ngài dạy.

III. CHÚ GIẢI

Bài kinh này là cốt tủy của đạo giải thoát gồm ba phương diện: thái độ đối với ngoại giới, với nội tâm, và với năm uẩn làm nên thân tâm. Khi năm giác quan tiếp xúc với ngoại giới, tâm không chạy theo đối tượng; và khi hướng nội đi sâu vào các thiền chứng từ thứ nhất đến thứ tư, tâm cũng không ham thích. Theo Ngài Huệ Năng, đây gọi là ngoài thiền trong định, gọi là thiền định. Đối với năm uẩn không chấp đây là ta và của ta, nên khi chết không bám víu tiếc nuối, và vì thế không sợ hãi dù gặp bất cứ cảnh giới nào xảy ra lúc lâm chung; vẫn giữ thái độ của người ngoại cuộc đang quan sát một hiện tượng, không có cái tôi sống chết.

IV. PHÁP SỐ

(không có)

V. KỆ TỤNG

Phật dạy chúng tử kheo
Một lời dạy vẫn tất:
Hãy quán sát cách nào
Tâm không bị tản rộng
Trong các đối tượng ngoài;
Và đối với nội trần
Không trú trước, chấp thủ,
Tâm không bị khủng bố
Nếu quán được như vậy
Tương lai không còn khổ
Về sanh già bệnh chết.

Tôn giả Ca-chiên-diên
Giải thích rộng ý nghĩa:
Khi con mắt thấy sắc
Thức theo đuổi tướng ngoài
Bị các tướng trói buộc
Là tán loạn, tản rộng.
Nếu căn trần tiếp xúc
Thức không theo đuổi tướng,

Thì không bị tán tâm.

Đôi với các nội trần,
Nghĩa là các thiên chứng
Từ sơ đến tứ thiên,
Thức có thể bị trói
Bởi ly sanh hỷ lạc
Khi chứng thiên thứ nhất,
Hoặc định sanh hỷ lạc

Khi chứng thiên thứ hai,
Hoặc xả niệm lạc trước
Khi chứng thiên thứ ba
Và bất khổ bất lạc
(hay xả niệm thanh tịnh)
Khi chứng thiên thứ tư.
Nếu không bị trói buộc
Bởi các thiên chứng này
Là không trú nội trần.

Chấp thủ, bị khủng bố
Là khi kẻ phạm phu
Do không hiểu thánh pháp,
Chấp sắc là tự ngã,
Tự ngã ở trong sắc,
Sắc ở trong tự ngã,
Hoặc tự ngã có sắc
(đôi với 4 uẩn kia
cũng đều chấp như vậy
thành hai mươi thân kiến).
Do chấp thủ như vậy
Khi năm uẩn biến hoại,
Phạm phu rất đau khổ
Hoảng sợ, bị khủng bố.
Thánh đệ tử có tu
Không chấp thủ như vậy,
Nên khi sắc biến hoại,
Thức không bị chuyển theo,
Các khủng bố khởi lên
Không kiên trì ám ảnh.

Tâm không bị ám ảnh
Không sợ hãi, khao khát.
Đây là không chấp thủ
Nên không bị khủng bố.

Khi nghe lời giải này
Phật khen Ca-chiên-diên
Chính là bậc đại tuệ
Đã hiểu đúng lời Ngài.

*Dịch giả: Hoà Thượng Thích Minh Châu
Tóm tắt & chú giải: Thích Nữ Trí Hải*

-ooOoo-

138. Uddesavibhaṅgasuttam [Mūla]

313. Evaṃ me sutam : ekaṃ samayaṃ **Bhagavā** sāvattiyam viharati jetavane anāthapiṇḍikassa ārāme. Tatra kho **Bhagavā** bhikkhū āmantesi : "bhikkhavoti. "Bhadanteti te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca : "uddesavibhaṅgam vo, bhikkhave, desessāmi. Tam suṇātha, sādhuḥkaṃ manasi karotha bhāsissāmīti. "Evaṃ, bhanteti kho te bhikkhū bhagavato paccassosum. Bhagavā etadavoca : "tathā tathā, bhikkhave, bhikkhu upaparikkheyya yathā yathā [yathā yathāssa (sī. syā. kaṃ. pī.)] upaparikkhato bahiddhā cassa viññāṇam avikkhittam avisaṭam, ajjhattam asaṅghitam anupādāya na paritasseyya. Bahiddhā, bhikkhave, viññāṇe avikkhitte avisaṭe sati ajjhattam asaṅghite anupādāya aparitassato āyatim jātijarāmarañadukkkhasamudayasambhavo na hotīti. Idamavoca **Bhagavā**. Idam vatvāna sugato utthāyāsanā vihāram pavisi.

314. Atha kho tesam bhikkhūnam, acirapakkantassa bhagavato, etadahosi : "idaṃ kho no, āvuso, **Bhagavā** saṃkhittena uddesam uddisitvā vitthārena attham avibhajivā utthāyāsanā vihāram pavittho : 'tathā tathā, bhikkhave, bhikkhu upaparikkheyya yathā yathā upaparikkhato bahiddhā cassa viññāṇam avikkhittam avisaṭam, ajjhattam asaṅghitam anupādāya na paritasseyya. Bahiddhā, bhikkhave, viññāṇe avikkhitte avisaṭe sati ajjhattam asaṅghite anupādāya aparitassato āyatim jātijarāmarañadukkkhasamudayasambhavo na hotīti. Ko nu kho imassa bhagavatā saṃkhittena uddesassa uddiṭṭhassa vitthārena attham avibhattassa vitthārena attham vibhajeyyāti? atha kho tesam bhikkhūnam etadahosi : "ayam kho āyasmā mahākaccāno satthu ceva saṃvaṇṇito sambhāvito ca viññūnam sabrahmacārīnam pahoti cāyasmā mahākaccāno imassa bhagavatā saṃkhittena uddesassa uddiṭṭhassa vitthārena attham avibhattassa vitthārena attham vibhajitum. Yamnūna mayam yenāyasmā mahākaccāno tenupasaṅkameyyāma upasaṅkamitvā āyasmantaṃ mahākaccānam etamattham paṭipuccheyyāmāti. Atha kho te bhikkhū yenāyasmā mahākaccāno tenupasaṅkamimsu upasaṅkamitvā āyasmataṃ mahākaccānena saddhim sammodimsu. Sammodanīyam katham saraṇīyam vītisāretvā ekamantaṃ nisīdimsu. Ekamantaṃ nisinnā kho te bhikkhū āyasmantaṃ mahākaccānam etadavocum : "idaṃ kho no, āvuso kaccāna, **Bhagavā** saṃkhittena uddesam uddisitvā vitthārena attham avibhajivā utthāyāsanā vihāram pavittho : 'tathā tathā, bhikkhave, bhikkhu upaparikkheyya yathā yathā upaparikkhato bahiddhā cassa viññāṇam avikkhittam avisaṭam, ajjhattam asaṅghitam anupādāya na paritasseyya. Bahiddhā, bhikkhave, viññāṇe avikkhitte avisaṭe sati ajjhattam asaṅghite anupādāya aparitassato āyatim jātijarāmarañadukkkhasamudayasambhavo na hotīti. Tesam no, āvuso kaccāna, amhākaṃ, acirapakkantassa bhagavato, etadahosi : 'idaṃ kho no, āvuso, **Bhagavā** saṃkhittena uddesam uddisitvā vitthārena attham avibhajivā utthāyāsanā vihāram pavittho : tathā tathā, bhikkhave, bhikkhu upaparikkheyya, yathā yathā upaparikkhato bahiddhā cassa viññāṇam avikkhittam avisaṭam ajjhattam asaṅghitam anupādāya na paritasseyya. Bahiddhā, bhikkhave, viññāṇe avikkhitte avisaṭe sati ajjhattam

asañhite anupādāya aparitassato āyatim jātijarāmarañadukkkhasamudayasambhavo na hotīti. Ko nu kho imassa bhagavatā saṃkhittena uddesassa uddiṭṭhassa vitthārena attham avibhattassa vitthārena attham vibhajeyyāti. "Tesaṃ no, āvuso kaccāna, amhākaṃ etadahosi : 'ayaṃ kho āyasmā mahākaccāno satthu ceva saṃvaṇṇito, sambhāvito ca viññūnaṃ sabrahmacārīnaṃ. Pahoti cāyasmā mahākaccāno imassa bhagavatā saṃkhittena uddesassa uddiṭṭhassa vitthārena attham avibhattassa vitthārena attham vibhajitum. Yaṃnūna mayam yenāyasmā mahākaccāno tenupasaṅkameyyāma upasaṅkamitvā āyasmantaṃ mahākaccānaṃ etamatthaṃ paṭipuccheyyāmāti : vibhajatāyasmā mahākaccānoti.

315. "Seyyathāpi, āvuso, puriso sārattthiko sārāgavesī sārāpariyesaṇaṃ caramāno mahato rukkhassa tiṭṭhato sārāvato atikkammeva mūlaṃ atikkamma khandham sākḥāpalāse sāraṃ pariyesitabbaṃ maññeyya, evaṃ sampadamidaṃ āyasmantānaṃ sathari sammukhībhūte taṃ bhagavantaṃ atisitvā amhe etamatthaṃ paṭipucchitabbaṃ maññatha. So hāvuso, **Bhagavā** jānaṃ jānāti, passaṃ passati, cakkhubhūto ñāṇabhūto dhammabhūto brahmabhūto vattā pavattā atthassa ninnetā amatassa dātā dhammassāmī tathāgato. So ceva panetassa kālo ahosi yaṃ bhagavantaṃyeva etamatthaṃ paṭipuccheyyātha yathā vo **Bhagavā** byākareyya tathā naṃ dhāreyyāthāti. 'Addhāvuso kaccāna, **Bhagavā** jānaṃ jānāti, passaṃ passati, cakkhubhūto ñāṇabhūto dhammabhūto brahmabhūto vattā pavattā atthassa ninnetā amatassa dātā dhammassāmī tathāgato. So ceva panetassa kālo ahosi yaṃ bhagavantaṃyeva etamatthaṃ paṭipuccheyyāma yathā no **Bhagavā** byākareyya tathā naṃ dhāreyyāma. Api cāyasmā mahākaccāno satthu ceva saṃvaṇṇito sambhāvito ca viññūnaṃ sabrahmacārīnaṃ. Pahoti cāyasmā mahākaccāno imassa bhagavatā saṃkhittena uddesassa uddiṭṭhassa vitthārena attham avibhattassa vitthārena attham vibhajitum. Vibhajatāyasmā mahākaccāno agaruṃ karitvāti. 'Tena hāvuso, suṇātha, sādhukaṃ manasi karoṭṭha bhāsissāmīti. 'Evamāvusoti kho te bhikkhū āyasmato mahākaccānassa paccassosum. Āyasmā mahākaccāno etadavoca : 'yaṃ kho no, āvuso, **Bhagavā** saṃkhittena uddesaṃ uddisitvā vitthārena attham avibhajitvā utṭhāyāsanaṃ vihāraṃ pavitṭho : tathā tathā, bhikkhave, bhikkhu upaparikkheyya, yathā yathā upaparikkhato bahiddhā cassa viññāṇaṃ avikkhittaṃ avisaṭaṃ ajjhattaṃ asaṅghitaṃ anupādāya na paritasseyya, bahiddhā, bhikkhave, viññāṇe avikkhitte avisaṭe sati ajjhattaṃ asaṅghite anupādāya aparitassato āyatim jātijarāmarañadukkkhasamudayasambhavo na hotīti. Imassa kho ahaṃ, āvuso, bhagavatā saṃkhittena uddesassa uddiṭṭhassa vitthārena attham avibhattassa evaṃ vitthārena attham ājānāmi.

316. "Kathañcāvuso, bahiddhā viññāṇaṃ vikkhittaṃ visaṭanti vuccati? idhāvuso, bhikkhuno cakkhunā rūpaṃ disvā rūpanimittānusāri viññāṇaṃ hoti rūpanimittassādagadhitam [...gathitam (sī. pī.)] rūpanimittassādaviniṅbandham [...vinibandham (sī. pī.)] rūpanimittassādasamyojanasamyuttaṃ bahiddhā viññāṇaṃ vikkhittaṃ visaṭanti vuccati. Sotena saddaṃ sutvā - pe - ghānena gandhaṃ ghāyitvā...

jivhāya rasam sāyitvā... kāyena phoṭṭhabbam phusitvā... manasā dhammam viññāya dhammanimittānusārī viññānam hoti dhammanimittassādagadhitam dhammanimittassādaviniibandham dhammanimittassādasamyojanasamyuttam bahiddhā viññānam vikkhittam visaṭanti vuccati. Evaṃ kho āvuso, bahiddhā viññānam vikkhittam visaṭanti vuccati.

317. "Kathañcāvuso, bahiddhā viññānam avikkhittam avisaṭanti vuccati ? idhāvuso, bhikkhuno cakkhunā rūpaṃ disvā na rūpanimittānusārī viññānam hoti rūpanimittassādagadhitam na rūpanimittassādaviniibandham na rūpanimittassādasamyojanasamyuttam bahiddhā viññānam avikkhittam avisaṭanti vuccati . Sotena saddam sutvā - pe - ghānena gandham ghāyitvā... jivhāya rasam sāyitvā... kāyena phoṭṭhabbam phusitvā... manasā dhammam viññāya na dhammanimittānusārī viññānam hoti na dhammanimittassādagadhitam na dhammanimittassādaviniibandham na dhammanimittassādasamyojanasamyuttam bahiddhā viññānam avikkhittam avisaṭanti vuccati. Evaṃ kho, āvuso, bahiddhā viññānam avikkhittam avisaṭanti vuccati.

318. "Kathañcāvuso, ajjhataṃ [ajjhataṃ cittaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] saṅghitanti vuccati? idhāvuso, bhikkhu vivicceva kāmehi vivicca akusalehi dhammehi savitakkaṃ savicāram vivekajam pītisukham paṭhamam jhānam upasampajja viharati. Tassa vivekajapītisukhānusārī viññānam hoti vivekajapītisukhassādagadhitam vivekajapītisukhassādaviniibandham vivekajapītisukhassādasamyojanasamyuttam ajjhataṃ cittaṃ saṅghitanti vuccati. "Puna caparam, āvuso, bhikkhu vitakkavicārānam vūpasamā ajjhataṃ sampasādanam cetaso ekodibhāvam avitakkaṃ avicāram samādhijam pītisukham dutiyam jhānam upasampajja viharati. Tassa samādhijapītisukhānusārī viññānam hoti samādhijapītisukhassādagadhitam samādhijapītisukhassādaviniibandham samādhijapītisukhassādasamyojanasamyuttam ajjhataṃ cittaṃ saṅghitanti vuccati. "Puna caparam, āvuso, bhikkhu pītiyā ca virāgā upekkhako ca viharati sato ca sampajāno sukhañca kāyena paṭisaṃvedeti, yaṃ taṃ ariyā ācikkhanti : 'upekkhako satimā sukhavihārīti tatiyam jhānam upasampajja viharati. Tassa upekkhānusārī viññānam hoti upekkhāsukhassādagadhitam upekkhāsukhassādaviniibandham upekkhāsukhassādasamyojanasamyuttam ajjhataṃ cittaṃ saṅghitanti vuccati. "Puna caparam, āvuso, bhikkhu sukhasa ca pahānā dukkhasa ca pahānā pubbeva somanassadomanassānam atthaṅgamā adukkhamasukham upekkhāsati pārisuddhim catuttham jhānam upasampajja viharati. Tassa adukkhamasukhānusārī viññānam hoti adukkhamasukhassādagadhitam adukkhamasukhassādaviniibandham adukkhamasukhassādasamyojanasamyuttam ajjhataṃ cittaṃ saṅghitanti vuccati. Evaṃ kho, āvuso, ajjhataṃ [ajjhataṃ cittaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] saṅghitanti vuccati.

319. "Kathañcāvuso , ajjhataṃ [ajjhataṃ cittaṃ (sī. syā. kaṃ. pī.)] asaṅghitanti vuccati? idhāvuso, bhikkhu vivicceva kāmehi vivicca akusalehi dhammehi - pe - paṭhamam

jhānaṃ upasampajja viharati. Tassa na vivekajapītisukkhānusāri viññāṇaṃ hoti na vivekajapītisukkhassādagadhitam na vivekajapītisukkhassādaviniibandham na vivekajapītisukkhassādasamyojanasamuyuttam ajjhattam cittaṃ asaṅghitanti vuccati. "Puna caparam, āvuso, bhikkhu vitakkavicārānaṃ vūpasamā - pe - dutiyaṃ jhānaṃ upasampajja viharati. Tassa na samādhijapītisukkhānusāri viññāṇaṃ hoti na samādhijapītisukkhassādagadhitam na samādhijapītisukkhassādaviniibandham na samādhijapītisukkhassādasamyojanasamuyuttam ajjhattam cittaṃ asaṅghitanti vuccati . "Puna caparam, āvuso, bhikkhu pītiyā ca virāgā - pe - tatiyaṃ jhānaṃ upasampajja viharati. Tassa na upekkhānusāri viññāṇaṃ hoti na upekkhāsukkhassādagadhitam na upekkhāsukkhassādaviniibandham na upekkhāsukkhassādasamyojanasamuyuttam ajjhattam cittaṃ asaṅghitanti vuccati. "Puna caparam, āvuso, bhikkhu sukhasa ca pahānā dukkhasa ca pahānā pubbeva somanassadomanassānaṃ atthaṅgamā adukkhamasukham upekkhāsati pārisuddhiṃ catuttham jhānaṃ upasampajja viharati. Tassa na adukkhamasukkhānusāri viññāṇaṃ hoti na adukkhamasukkhassādagadhitam na adukkhamasukkhassādasamyojanasamuyuttam ajjhattam cittaṃ asaṅghitanti vuccati. Evaṃ kho, āvuso, ajjhattam [ajjhattam cittaṃ (sī. syā. kam. pī.)] asaṅghitanti vuccati.

320. "Kathañcāvuso, anupādā paritassanā hoti? idhāvuso, assutavā puthujjano ariyānaṃ adassāvī ariyadhammassa akovido ariyadhamme avinīto sappurisānaṃ adassāvī sappurisadhammassa akovido sappurisadhamme avinīto rūpaṃ attato samanupassati rūpavantam vā attānaṃ attani vā rūpaṃ rūpasmim vā attānaṃ. Tassa taṃ rūpaṃ vipariṇamati, aññathā hoti. Tassa rūpavipariṇāmaññathābhāvā rūpavipariṇāmānuparivatti viññāṇaṃ hoti. Tassa rūpavipariṇāmānuparivattajā paritassanā dhammasamuppādā cittaṃ pariyādāya tiṭṭhanti. Cetaso pariyādānā uttāsavā ca hoti vighātavā ca apekkhavā ca anupādāya ca paritassati. Vedanaṃ - pe - saññaṃ... saṅkhāre... viññāṇaṃ attato samanupassati viññāṇavantam vā attānaṃ attani vā viññāṇaṃ viññāṇasmim vā attānaṃ. Tassa taṃ viññāṇaṃ vipariṇamati, aññathā hoti. Tassa viññāṇavipariṇāmaññathābhāvā viññāṇavipariṇāmānuparivatti viññāṇaṃ hoti. Tassa viññāṇavipariṇāmānuparivattajā paritassanā dhammasamuppādā cittaṃ pariyādāya tiṭṭhanti. Cetaso pariyādānā uttāsavā ca hoti vighātavā ca apekkhavā ca anupādāya ca paritassati. Evaṃ kho, āvuso, anupādā paritassanā hoti.

321. "Kathañcāvuso, anupādānā aparitassanā hoti? idhāvuso, sutavā ariyasāvako ariyānaṃ dassāvī ariyadhammassa kovido ariyadhamme suvinīto sappurisānaṃ dassāvī sappurisadhammassa kovido sappurisadhamme suvinīto na rūpaṃ attato samanupassati na rūpavantam vā attānaṃ na attani vā rūpaṃ na rūpasmim vā attānaṃ. Tassa taṃ rūpaṃ vipariṇamati, aññathā hoti. Tassa rūpavipariṇāmaññathābhāvā na ca rūpavipariṇāmānuparivatti viññāṇaṃ hoti. Tassa na rūpavipariṇāmānuparivattajā paritassanā dhammasamuppādā cittaṃ pariyādāya tiṭṭhanti. Cetaso pariyādānā na

cevuttāsavā [na ca uttāsavā (sī.)] hoti na ca vighātavā na ca apekkhavā anupādāya ca na paritassati. Na vedanaṃ... na saññaṃ... na saṅkhāre... na viññāṇaṃ attato samanupassati na viññāṇavantaṃ vā attānaṃ na attani vā viññāṇaṃ na viññāṇasmim vā attānaṃ. Tassa taṃ viññāṇaṃ vipariṇamati, aññathā hoti. Tassa viññāṇavipariṇāmaññathābhāvā na ca viññāṇavipariṇāmānuparivatti viññāṇaṃ hoti. Tassa na viññāṇavipariṇāmānuparivattajā paritassanā dhammasamuppādā cittaṃ pariyādāya tiṭṭhanti. Cetaso pariyādānā na cevuttāsavā hoti na ca vighātavā na ca apekkhavā, anupādāya ca na paritassati. Evaṃ kho, āvuso, anupādā aparitassanā hoti. "Yaṃ kho no, āvuso, **Bhagavā** saṃkhittena uddesaṃ uddisitvā vitthārena atthaṃ avibhajitvā utthāyāsanaṃ vihāraṃ pavitṭho : 'tathā tathā, bhikkhave, bhikkhu upaparikkheyya yathā yathā upaparikkhato bahiddhā cassa viññāṇaṃ avikkhittaṃ avisaṭaṃ, ajjhattaṃ asaṅghitaṃ anupādāya na paritasseyya. Bahiddhā, bhikkhave, viññāṇe avikkhitte avisaṭe sati ajjhattaṃ asaṅghite anupādāya aparitassato āyatim jātijarāmarāṇadukkhasamudayasambhavo na hotīti. Imassa kho ahaṃ, āvuso, bhagavatā saṃkhittena uddesassa uddiṭṭhassa vitthārena atthaṃ avibhattassa evaṃ vitthārena atthaṃ ājānāmi. Ākaṅkhamānā ca pana tumhe āyasmanto bhagavantāmyeva upasaṅkamtivā etamatthaṃ paṭipuccheyyātha yathā vo **Bhagavā** byākaroti tathā naṃ dhāreyyāthāti.

322. Atha kho te bhikkhū āyasmato mahākaccānassa bhāsitaṃ abhinanditvā anumoditvā utthāyāsanaṃ yena **Bhagavā** tenupasaṅkamimsu upasaṅkamtivā bhagavantaṃ abhivādetvā ekamantaṃ nisīdimsu. Ekamantaṃ nisinnā kho te bhikkhū bhagavantaṃ etadavocaṃ : "yaṃ kho no, bhante, **Bhagavā** saṃkhittena uddesaṃ uddisitvā vitthārena atthaṃ avibhajitvā utthāyāsanaṃ vihāraṃ pavitṭho : 'tathā tathā, bhikkhave, bhikkhu upaparikkheyya yathā yathā upaparikkhato bahiddhā cassa viññāṇaṃ avikkhittaṃ avisaṭaṃ, ajjhattaṃ asaṅghitaṃ anupādāya na paritasseyya. Bahiddhā, bhikkhave, viññāṇe avikkhitte avisaṭe sati ajjhattaṃ asaṅghite anupādāya aparitassato āyatim jātijarāmarāṇadukkhasamudayasambhavo na hotīti. "Tesaṃ no, bhante, amhākaṃ, acirapakkantassa bhagavato, etadahosi : 'idaṃ kho no, āvuso, **Bhagavā** saṃkhittena uddesaṃ uddisitvā vitthārena atthaṃ avibhajitvā utthāyāsanaṃ vihāraṃ pavitṭho : tathā tathā, bhikkhave, bhikkhu upaparikkheyya, yathā yathā upaparikkhato bahiddhā cassa viññāṇaṃ avikkhittaṃ avisaṭaṃ, ajjhattaṃ asaṅghitaṃ anupādāya na paritasseyya. Bahiddhā, bhikkhave, viññāṇe avikkhitte avisaṭe sati ajjhattaṃ asaṅghite anupādāya aparitassato āyatim jātijarāmarāṇadukkhasamudayasambhavo na hotīti. Ko nu kho imassa bhagavatā saṃkhittena uddesassa uddiṭṭhassa vitthārena atthaṃ avibhattassa vitthārena atthaṃ vibhajeyyāti? tesaṃ no, bhante, amhākaṃ etadahosi : 'ayaṃ kho āyasmā mahākaccāno sattu ceva saṃvaṇṇito sambhāvito ca viññūnaṃ sabrahmacārīnaṃ. Pahoti cāyasmā mahākaccāno imassa bhagavatā saṃkhittena uddesassa uddiṭṭhassa vitthārena atthaṃ avibhattassa vitthārena atthaṃ vibhajitum. Yaṃnūna mayam yenāyasmā mahākaccāno tenupasaṅkameyyāma upasaṅkamtivā āyasmantaṃ mahākaccānaṃ etamatthaṃ paṭipuccheyyāmāti. "Atha kho mayam, bhante, yenāyasmā mahākaccāno

tenupasaṅkamimha upasaṅkavitvā āyasmantaṃ mahākaccānaṃ etamatthaṃ paṭipucchimha. Tesam no, bhante, āyasmatā mahākaccānena imehi ākārehi imehi padehi imehi byañjanehi attho vibhattoti. "Paṇḍito, bhikkhave, mahākaccāno mahāpaṇḍo, bhikkhave, mahākaccāno. Maṃ cepi tumhe, bhikkhave, etamatthaṃ paṭipuccheyyātha, ahampi evamevaṃ byākareyyaṃ yathā taṃ mahākaccānena byākatam. Eso cevetassa [eso cetassa (sī. pī.), eso ceva tassa (syā. ka.), esoyeva tassa (ka.)] attho. Evañca naṃ dhāreyyāthāti. Idamavoca **Bhagavā**. Attamanā te bhikkhū bhagavato bhāsitaṃ abhinandunti.

Uddesavibhaṅgasuttaṃ niṭṭhitaṃ aṭṭhamam.

138. Uddesavibhaṅgasuttavaṇṇanā [Atthakathā]

313. Evaṃ me sutanti uddesavibhaṅgasuttam. Tatha **uddesavibhaṅganti** uddesañca vibhaṅgañca, mātikañca vibhajanañcāti attho. **Upaparikkheyyāti** tuleyya tīreyya pariggaṇheyya paricchindeyya. **Bahiddhāti** bahiddhāārammaṇesu. **Avikkhittam avisaṭanti** nikantivasena ārammaṇe tiṭṭhamānaṃ vikkhittam visaṭam nāma hoti, tam paṭisedhento evamāha. **Ajjhattam asaṅṭhanti** gocarajjhatte nikantivasena asaṅṭhitam. **Anupādāya na paritasseyyāti** anupādiyitvā aggahetvā tam viññānaṃ na paritasseyya. Yathā viññānaṃ bahiddhā avikkhittam avisaṭam, ajjhattam asaṅṭhitam anupādāya na paritasseyya, evaṃ bhikkhu upaparikkheyyāti vuttam hoti. **Jātijarāmarañadukkhasamudayasambhavoti** jātijarāmarañassa ceva avasesassa ca dukkhassa nibbatti na hotīti attho.

316. Rūpanimittānusārīti rūpanimittam anussarati anudhāvātīti rūpanimittānusārī.

318. Evaṃ kho, āvuso, ajjhattam asaṅṭhanti nikantivasena asaṅṭhitam. Nikantivasena hi atitiṭṭhamānaṃ hānabhāgiyam na hoti, visesabhāgiyameva hoti.

320. Anupādā paritassanāti satthārā khandhiyavagge “upādāparitassanañca vo, bhikkhave, desessāmi anupādāparitassanañcā”ti (saṃ. ni. 3.7) evaṃ gahetvā paritassanā, aggahetvāva aparitassanā ca kathitā, tam mahāthero upādāparitassanameva anupādāparitassananti katvā dassento evamāha. Katham panesā anupādāparitassanā hotīti. Upādātabbassa abhāvato. Yadi hi koci saṅkhāro nicco vā dhuvo vā attā vā attaniyo vāti gahetabbayuttako abhavissa, ayam paritassanā upādāparitassanāva assa. Yasmā pana evaṃ upādātabbo saṅkhāro nāma natthi, tasmā rūpaṃ attātiādinā nayena rūpādāyo upādinnāpi anupādinnāva honti. Evamesā diṭṭhivasena upādāparitassanāpi samānā atthato anupādāparitassanāyeva nāma hotīti veditabbā.

Aññathā hotīti parivattati pakatijahanena nassati, **rūpavipariṇāmānuparivattīti** “mama rūpaṃ vipariṇata”nti vā, “yam ahu, tam vata me natthī”ti vā ādinā (ma. ni. 1.242) nayena kammaviññānaṃ rūpassa bhedānuparivatti hoti. **Vipariṇāmānuparivattajāti** vipariṇāmassa anuparivattanato vipariṇāmārammaṇacittato jātā. **Paritassanā dhammasamuppādāti** taṇhāparitassanā ca akusaladhammasamuppādā ca. **Cittam pariyaḍāya tiṭṭhanti**ti kusalacittam pariyaḍiyitvā gahetvā khepetvā tiṭṭhanti. **Uttāsavāti** bhayatāsenapi sauttāso taṇhātāsenapi sauttāso. **Vighātavāti** savighāto sadukkho. **Apekkhavāti** sālāyo sasineho. **Evaṃ kho, āvuso, anupādā paritassanā hotīti** evaṃ maṇikaraṇḍakasaññāya tucchakaraṇḍakam gahetvā tasmim natthe pacchā vighātam āpajjantassa viya pacchā aggahetvā paritassanā hoti.

321. Na ca rūpavipariṇāmānuparivattīti khīṇāsavassa kammaviññāṇameva natthi, tasmā rūpabhedānuparivatti na hoti. Sesam sabbattha uttānamevāti.

Papañcasūdaniyā majjhimanikāyaṭṭhakathāya

Uddesavibhaṅgasuttavaṇṇanā nitṭhitā.